

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Luật môi trường**

Tên học phần (tiếng Anh): **Environmental Law**

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011334
- Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 02 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (tiết): 30 Lý thuyết: 20 Thực hành: 10
- Số giờ tự học (tiết): 70
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật Kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>						
		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Ngành <input type="checkbox"/>			Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết gồm: không

Học phần học trước: Lý luận chung Nhà nước và pháp luật

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Môi trường là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; pháp luật về sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn di sản; các hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường; những kiến thức cơ bản về vấn đề môi trường toàn cầu; những quyền lợi và trách nhiệm của Việt Nam đối với thế giới trong lĩnh vực môi trường.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng vận dụng các kiến thức cốt lõi của pháp luật Việt Nam và các công ước quốc tế về môi trường vào thực tiễn tư vấn, tham mưu cho đơn vị công tác.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày các vấn đề lý luận chung về môi trường và các quy phạm pháp luật điều chỉnh về hoạt động bảo vệ môi trường.	Kiến thức
CLO2	Xác định đúng các quy phạm pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý về môi trường.	Kiến thức
CLO3	Phân tích các vấn đề pháp lý phát sinh trong tình huống thuộc lĩnh vực môi trường.	Kỹ năng
CLO4	Phân tích cách thức lựa chọn phương án giải quyết pháp lý phù hợp trong mỗi tình huống phát sinh liên quan đến môi trường.	Kỹ năng
CLO5	Đề xuất giải pháp mang tính pháp lý để giải quyết vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực môi trường.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	Chương 1: Những vấn đề chung về Luật Môi trường							
1	1.1 Môi trường và hiện trạng môi trường 1.2 Bảo vệ môi trường 1.3 Luật môi trường 1.4 Nguồn và các nguyên tắc của Luật môi trường	04		08	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm;	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 1, giáo trình chính
2	Chương 2: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường 2.1 Khái niệm 2.2 Một số nội dung cơ bản về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường	03	02	12	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 2, giáo trình chính
3	Chương 3: Pháp luật về đánh giá môi trường 3.1 Pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường 3.2 Pháp luật về đánh	04	02	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 4, giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	giá tác động môi trường							
4	Chương 4: Pháp luật về tài nguyên thiên nhiên 4.1. Pháp luật về tài nguyên rừng 4.2. Pháp luật về tài nguyên nước	04	02	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 6 và chương 8, giáo trình chính
5	Chương 5: Giải quyết tranh chấp môi trường 5.1. Tranh chấp môi trường 5.2. Cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường	02	02	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 13, giáo trình chính
6	Chương 6: Thực thi các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm ở Việt Nam 6.1. Vai trò của các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm 6.2. Quyền và nghĩa vụ của Việt Nam trong các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm 6.3. Thực trạng thực thi nghĩa vụ trong các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm cơ bản ở Việt Nam	03	02	10		Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.		Đọc chương 14, giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo Giáo trình chính

6.2. Thực hành

Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
Thực hành tại lớp	Sử dụng các máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ,... hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hành các bài tập.	- Giáo trình chính - Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 7 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

(1) Trường Đại học Luật Hà Nội. 2021. Giáo trình Luật Môi trường - Tập 1, NXB. Tư pháp.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

(1) Phạm Văn Võ. 2023. Tập bài giảng Luật Môi trường, NXB. Tư pháp.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Thuyết trình	Chấm điểm thuyết trình	Bài thuyết trình
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm tình huống	Chấm điểm tình huống	Tình huống hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2]	20%
		Tự học [3]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				R						
CLO2				R						
CLO3								R		
CLO4								R		
CLO5									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X			
Tự luận	X	X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0-3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Phạm Thị Nguyệt Sương

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Thị Nguyệt Sương	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0907770148
Email: phamsuong@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	